

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **46 /2022/DS-ST**

Ngày: 30 / 6 /2022

V/v: “*Tranh chấp
hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Tuyết**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Phước**

2. Ông **Trần Văn Tiền**

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Trần Phương Thảo- thư ký tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Hiền Diệu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 và 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 230/2021/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2021 về việc “*tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 230/2022 /QĐST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A;

Địa chỉ: A, H, phường A, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Huy D –Chức vụ Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền : Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1984 và bà Phạm Thị T1 Th, sinh năm 1987- chuyên viên xử lý nợ

Địa chỉ liên hệ: 90 C, phường A, quận H, thành phố Hồ Chí Minh

(Theo văn bản ủy quyền ngày 20/4/2022 và ngày 15/6/2022)

2. Bị đơn: Anh Hà Huỳnh T1, sinh năm 1987

Địa chỉ: số nhà A tổ B, ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

(Đại diện ngân hàng có mặt, anh Hà Huỳnh T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của ngân hàng trình bày:

Ngày 14/8/2019, anh Hà Huỳnh T1 có đơn xin mở thẻ tín dụng của Ngân hàng A (A bank, sau đây gọi tắt là Ngân hàng). Trên cơ sở đề nghị, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng số TTT/19/0301, ngày 14/8/2019 cho anh Hà Huỳnh T1 số tiền hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng chẵn), lãi suất sử dụng thẻ là 12%/ năm, thời hạn sử dụng thẻ là 5 năm. Anh T1 được hưởng mức lãi suất 12%/năm là do thời điểm đề nghị cấp tín dụng, anh T1 còn đang là nhân viên của Ngân hàng.

Sau khi được cấp hạn mức thẻ tín dụng anh T1 đã sử dụng và T1 toán đầy đủ các khoản tiền phát sinh cho Ngân hàng đến tháng 7/2020. Từ tháng 8/2020, anh T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Cũng trong thời gian này anh T1 không còn là nhân viên của Ngân hàng nên Ngân hàng có điều chỉnh mức lãi suất lên 25%/năm theo thông báo số 889 ngày 29/4/2020 của ngân hàng. Khi anh T1 vi phạm nghĩa vụ, Ngân hàng đã nhiều lần tạo điều kiện cho anh T1 thanh toán nợ nhưng anh T1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng yêu cầu anh T1 phải trả cho Ngân hàng số nợ còn thiếu tính đến ngày 30/6/2022 là 52.678.393 đồng (trong đó tiền gốc là 18.954.804 đồng; lãi là 9.064.359 đồng và phí là 24.649.230 đồng) đồng thời anh T1 còn phải chịu lãi phát sinh theo dư nợ thẻ tín dụng từ ngày 01/7/2022 cho đến ngày anh T1 trả hết nợ cho Ngân hàng theo lãi suất mà các bên đã thỏa thuận, ký kết.

Bị đơn anh Hà Huỳnh T1 trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải theo đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh T1 đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của anh T1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự, thủ tục về tố tụng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, đảm bảo việc xét xử vô tư, khách quan.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 30/6/2022 là 52.678.393 đồng (trong đó tiền gốc là 18.954.804 đồng; lãi là 9.064.359 đồng và phí là 24.649.230 đồng) đồng thời anh T1 còn phải chịu lãi phát sinh theo dư nợ thẻ tín dụng từ ngày 01/7/2022 cho đến ngày anh T1 trả hết nợ cho Ngân hàng theo lãi suất mà các bên đã thỏa thuận, ký kết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của Ngân hàng đối với anh Hà Huỳnh T1 thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Quan hệ pháp luật nêu trên được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Anh Hà Huỳnh T1 có nơi cư trú tại A, tổ B, ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Anh Hà Huỳnh T1 được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh T1.

[2] Về nội dung:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thể hiện vào ngày 14/8/2019, anh Hà Huỳnh T1 ký kết với Ngân hàng hợp đồng mở thẻ tín dụng với hạn mức được cấp là 30.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng, lãi suất là 12 %/năm, thời hạn sử dụng thẻ là 5 năm.

Tại Tòa, người đại diện Ngân hàng cho rằng anh T1 đã vi phạm nghĩa vụ T1 toán từ tháng 8/2020 và tính đến hết ngày 30/6/2022 thì số dư nợ tín dụng của anh T1 là 52.678.393 đồng

Do anh T1 vi phạm nghĩa vụ nên Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc anh T1 trả cho Ngân hàng số tiền nợ thẻ tín dụng tính đến hết ngày 30/6/2022 là 52.678.393 và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/7/2022 cho đến khi anh T1 tất nợ.

Tài liệu chứng cứ mà Ngân hàng cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kèm theo điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng có chữ ký của chủ thẻ tín dụng là anh Hà Huỳnh T1; Thông báo của Ngân hàng yêu cầu anh T1 T1 toán số nợ thẻ tín dụng; quyết định số 1919 ngày 09/10/2018; thông báo số 889, ngày 29/4/2020 (có phụ lục và biểu phí kèm theo)

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập các đương sự để tiến hành hòa giải nhưng anh T1 vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Bên cạnh đó, Tòa án cũng đã triệu tập các bên để tham gia phiên tòa nhưng anh T1 vắng mặt nên không cung cấp được tài liệu chứng cứ cũng như không có lời trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Hội đồng xét xử thấy rằng: ngày 14/8/2019, anh Hà Huỳnh T1 ký kết với Ngân hàng hợp đồng mở thẻ tín dụng với hạn mức được cấp là 30.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng, lãi suất là 12 %/năm, thời hạn sử dụng thẻ là 5 năm.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng từ tháng 8/2020 và tính đến ngày 30/6/2022, anh T1 chưa thanh toán cho Ngân hàng số nợ là 52.678.393 đồng bao gồm nợ gốc và lãi, phí phát sinh.

Căn cứ Điều 2, Điều 15 trong điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng mà các bên đã ký kết, Ngân hàng khởi kiện buộc anh T1 trả nợ là có căn cứ. Do đó, nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự cần buộc anh T1 có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là phù hợp.

Trường hợp anh T1 có tài liệu chứng cứ chứng minh cho việc mình không vi phạm nghĩa vụ trả nợ, cũng như không có nợ Ngân hàng và có yêu cầu thì sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ kiện khác.

Từ những phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc anh Hà Huỳnh T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 30/6/2022 là 52.678.393 đồng (trong đó tiền gốc là 18.954.804 đồng; lãi là 9.064.359 đồng và phí là 24.649.230 đồng) đồng thời anh T1 còn phải chịu lãi phát sinh theo dư nợ thẻ tín dụng từ ngày 01/7/2022 cho đến ngày anh T1 trả hết nợ cho Ngân hàng theo lãi suất mà các bên đã thỏa thuận, ký kết.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên anh Hà Huỳnh T1 có nghĩa vụ chịu án phí với số tiền là $52.678.393 \times 5\% = 2.634.000$ đồng

[4] xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 91, 95 và 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 317, 318, 319, 320, 323, 463, 466, 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26, 35, 39 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần A đối với anh Hà Huỳnh T1.

Buộc anh Hà Huỳnh T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân Thương mại cổ phần A số tiền tính đến ngày 30/6/2022 là 52.678.393 đồng (trong đó tiền gốc là 18.954.804 đồng; lãi là 9.064.359 đồng và phí là 24.649.230 đồng) đồng thời anh T1 còn phải chịu lãi phát

sinh theo dư nợ thẻ tín dụng từ ngày 01/7/2022 cho đến ngày anh T1 trả hết nợ cho Ngân hàng theo lãi suất mà các bên đã thỏa thuận, ký kết.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay thông qua thẻ tín dụng theo từng thời kỳ của Ngân hàng phát hành thẻ thì lãi suất mà khách hàng phải tiếp tục T1 toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Hà Huỳnh T1 có nghĩa vụ chịu án phí với số tiền là 2.634.000 đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 717.000 đồng (bảy trăm mười bảy ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001214 ngày 07/12/2021 của chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Tuyết

